

Số: 1870 /TB-TTHK

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

Mời chào giá gói “Dịch vụ rà soát an ninh mạng Hệ thống AIM năm 2025”

Trung tâm Thông báo tin tức hàng không tổ chức chào giá gói “Dịch vụ rà soát an ninh mạng Hệ thống AIM năm 2025”, kính mời các nhà cung cấp có đủ điều kiện và năng lực tham gia gói dịch vụ theo các nội dung sau:

- Tên gói dịch vụ: “Dịch vụ rà soát an ninh mạng Hệ thống AIM năm 2025”.
- Bên mời cung cấp: Trung tâm Thông báo tin tức hàng không - Chi nhánh Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam - Công ty TNHH
- Nguồn vốn: Chi sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam.
- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Chào giá
- Thời gian phát hành hồ sơ yêu cầu: 15h00 ngày 25/8/2025 đến 15h00 ngày 28/8/2025.
- Địa điểm phát hành Hồ sơ yêu cầu: Phòng 514, Trung tâm Thông báo tin tức hàng không, Số 5/200 Phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội.
- Giá phát hành Hồ sơ yêu cầu: Miễn phí
- Địa điểm nhận hồ sơ đề xuất: Phòng 514, Trung tâm Thông báo tin tức hàng không, Số 5/200 Phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội.
- Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất: 15h00 ngày 28/8/2025.
- Thời điểm mở chào giá: 15h15 ngày 28/8/2025 tại Phòng 514, Trung tâm Thông báo tin tức hàng không, Số 5/200 Phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội.

Trân trọng thông báo./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Giám đốc (để b/c);
 - Lưu: VT, VP (03b).
- 

TL. GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Thị Kim Cúc

TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM
TRUNG TÂM THÔNG BÁO TIN TỨC HÀNG KHÔNG

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Tên gói dịch vụ: Dịch vụ rà soát an ninh mạng Hệ thống AIM năm 2025

Phát hành ngày: Ngày 25 tháng 8 năm 2025

**Ban hành kèm
theo Quyết định:** Số 1862/QĐ-TTHK ngày 22 tháng 8 năm 2025

Hà Nội năm 2025

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSDX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
DVTV	Dịch vụ tư vấn
VND	Đồng Việt Nam
Luật An toàn thông tin mạng	Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015
Nghị định số 85/2016/NĐ-CP	Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 10/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ
Nghị định số 108/2016/NĐ-CP	Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng



Phần 1. THỦ TỤC CHÀO GIÁ

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói dịch vụ

1. Bên mời cung cấp: Trung tâm Thông báo tin tức hàng không - Chi nhánh Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam - Công ty TNHH, địa chỉ: Số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội mời nhà cung cấp nhận HSYC gói “Dịch vụ rà soát an ninh mạng Hệ thống AIM năm 2025”.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Chi sản xuất kinh doanh năm 2025 của Trung tâm Thông báo tin tức hàng không.

3. Thời gian thực hiện gói dịch vụ là: Trong vòng 20 ngày, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu dịch vụ. Không bao gồm thời gian giám sát tác giả (nếu có).

Mục 2. Hành vi bị cấm

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà cung cấp dưới mọi hình thức.

3. Thông đồng trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp bao gồm các hành vi sau đây:

a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị hồ sơ đề xuất hoặc rút hồ sơ đề xuất để một bên trúng chào giá;

b) Nhà cung cấp có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự chào giá và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời cung cấp yêu cầu làm rõ hồ sơ đề xuất hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng chào giá.

4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:

a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu;

b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

5. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự chào giá với tư cách là nhà cung cấp đối với gói dịch vụ do mình làm bên mời cung cấp;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói dịch vụ;

c) Tham gia đánh giá hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà cung cấp đối với cùng một gói dịch vụ;

e) Đứng tên tham dự chào giá gói dịch vụ thuộc dự toán do bên mời cung cấp là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

k) Nêu điều kiện trong hồ sơ yêu cầu nhằm hạn chế sự tham gia của nhà cung cấp hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà cung cấp gây ra sự cạnh tranh không

bình đẳng trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp;

6. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà cung cấp, bao gồm:

a) Nội dung hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung hồ sơ đề xuất; nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ đề xuất của bên mời cung cấp và trả lời của nhà cung cấp trong quá trình đánh giá hồ sơ đề xuất; báo cáo của bên mời cung cấp, báo cáo thẩm định, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng hồ sơ đề xuất trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà cung cấp trước khi được công khai theo quy định;

7. Tổ chức lựa chọn nhà cung cấp khi chưa xác định được nguồn vốn theo quy định.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tổ chức khác đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Hạch toán tài chính độc lập;

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

- Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Trường hợp Nhà cung cấp cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến Bên mời cung cấp 01 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX. Nội dung làm rõ HSYC được thể hiện bằng văn bản.

2. Trường hợp Bên mời cung cấp sửa đổi HSYC, Bên mời cung cấp có trách nhiệm gửi các nội dung sửa đổi tới Nhà cung cấp. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà cung cấp là 01 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi không đáp ứng quy định này, Bên mời cung cấp thực hiện gia hạn thời điểm hết hạn nộp HSDX.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham gia chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia chào giá.

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời cung cấp và nhà cung cấp liên quan đến việc tham gia chào giá phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời cung cấp có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung (nếu cần thiết).

Mục 6. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01, Chương III;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà cung cấp liên danh theo Mẫu số 03, Chương III (nếu có);
3. Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 8 Chương I;
4. Đề xuất về giá theo Mẫu số 11 Chương III.

Mục 7. Giá chào

1. Giá chào do nhà cung cấp ghi trong đơn đề xuất chào giá bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói dịch vụ theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX. Không yêu cầu Nhà cung cấp phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia. Nhà cung cấp chào giá: Theo Mẫu số 11 Chương III.

Mục 8. Thành phần đề xuất kỹ thuật

Nhà cung cấp phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, nhân sự, lịch biểu thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Chương III để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.

Mục 9. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là 50 ngày kể từ ngày hết hạn nộp HSDX.
2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời cung cấp có thể đề nghị nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 10. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị một (01) bản gốc. Nhà cung cấp cần ghi rõ tên gói dịch vụ, tên nhà cung cấp, tên bên mời cung cấp bên ngoài túi đựng HSDX.
2. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp. Trường hợp là nhà cung cấp liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà cung cấp liên danh theo phân công trong thuận liên danh.
3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào giá.

Mục 11. Thời điểm hết hạn nộp HSDX và mở HSDX

1. HSDX do nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của Bên mời cung cấp nhưng phải đảm bảo bên mời cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX được ghi trong thông báo mời chào giá.
2. Bên mời cung cấp tiến hành mở HSDX công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX. Bên mời cung cấp chỉ mở các HSDX



nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Việc mở HSDX được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự:

- a) Kiểm tra niêm phong;
- b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà cung cấp:
 - Tham dự độc lập hay liên danh;
 - Số lượng bản gốc;
 - Giá chào ghi trong đơn chào giá;
 - Giá trị giảm giá (nếu có);
 - Thời gian có hiệu lực của HSDX;
 - Thời gian thực hiện gói dịch vụ;
 - Thời gian thực hiện hợp đồng;

Biên bản mở HSDX bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

Mục 12. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà cung cấp

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng (nếu có), bên mời cung cấp mời nhà cung cấp xếp thứ nhất đến thương thảo hợp đồng. Trong quá trình thương thảo, bên mời cung cấp có thể yêu cầu nhà cung cấp làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói dịch vụ. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời cung cấp xem xét, quyết định mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 13. Điều kiện đối với nhà cung cấp được đề nghị trúng chào giá

Nhà cung cấp được đề nghị trúng chào giá khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
3. Có giá chào thấp nhất;
4. Có giá đề nghị trúng chào giá không vượt giá gói dịch vụ được phê duyệt.

Mục 14. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà cung cấp được phê duyệt, bên mời cung cấp gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp cho nhà cung cấp tham dự giá chào. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp như sau:

- a) Thông tin về gói dịch vụ:
 - Tên gói dịch vụ;
 - Dự toán dịch vụ được duyệt;
 - Tên Bên mời cung cấp;

- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện gói dịch vụ;

b) Thông tin về nhà cung cấp trúng chào giá:

- Tên Nhà cung cấp;
- Mã số thuế (nếu có);
- Giá chào;
- Giá trúng chào giá;
- Thời gian thực hiện gói dịch vụ;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

c) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn.

Mục 15. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSĐX của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Bên mời cung cấp phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói dịch vụ theo đúng tiến độ.

Mục 16. Giải quyết kiến nghị

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà cung cấp được kiến nghị người có thẩm quyền, Bên mời cung cấp xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

Trung tâm Thông báo tin tức hàng không.

Địa chỉ: Số 5/200 Nguyễn Sơn, Bồ Đề, Hà Nội

Điện thoại: 024.38728778

Fax: 024.38725687

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

- a) Kiểm tra số lượng HSĐX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo quy định tại Mục 6 Chương I.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSĐX;
- b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn chào giá phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời cung cấp. Đối với nhà cung cấp liên danh, đơn chào giá phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn chào giá theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;

- c) Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế:

Nhà cung cấp cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai và nộp thuế của năm 2024 trong đơn chào giá.

- d) Hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;

đ) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

- e) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.

g) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX, nhà cung cấp không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà cung cấp tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà cung cấp đó trúng chào giá.

- h) Có giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đang còn hiệu lực.

Nhà cung cấp có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng HSĐX được thực hiện theo phương pháp

chấm điểm.

HSDX không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

HSDX có điểm kỹ thuật tất cả các tiêu chuẩn đáp ứng mức điểm yêu cầu không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà cung cấp liên danh căn cứ vào phạm vi công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được đánh giá về tài chính.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật gồm các nội dung tại Bảng số 01 sau đây:

Bảng số 01

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà cung cấp	12		8,4
	a) Đã thực hiện hợp đồng có tính chất tương tự trong 3 năm gần đây - Hợp đồng tương tự (1): Hợp đồng thực hiện một trong các nội dung sau: Rà soát an ninh mạng cho hệ thống hoặc tư vấn kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng; hoặc bảo mật thông tin; hoặc an toàn thông tin mạng; hoặc giám sát an toàn thông tin mạng; hoặc khôi phục dữ liệu; hoặc phòng ngừa, chống tấn công mạng. - Kê khai thông tin theo Mẫu số 5, Chương III và cung cấp Bản sao các hợp đồng và Biên bản nghiệm thu hoàn thành, biên bản thanh lý hợp đồng (có đóng dấu của Nhà cung cấp)		7	
	- Đã thực hiện 02 hợp đồng tương tự trở lên		7	
	- Đã thực hiện 01 hợp đồng tương tự		5	
	b) Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đang còn hiệu lực Cung cấp Bản sao Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng (Giấy phép) đang còn hiệu lực.		5	5
	- Có Giấy phép		5	
	- Không có Giấy phép		0	
2	Giải pháp và phương pháp luận	30		21

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
2.1	Hiểu rõ mục đích gói dịch vụ	10		
	- Hiểu đúng, đầy đủ các yêu cầu công việc		10	
	- Hiểu biết cơ bản, thiếu một hoặc một số yêu cầu công việc		7	
2.2	Phương pháp luận	10		
	- Trình bày phương pháp luận chi tiết, phù hợp với yêu cầu		10	
	- Nêu được phương pháp nhưng chưa chi tiết		7	
2.3	Kế hoạch triển khai	10		
	- Kế hoạch rõ ràng, phân bổ thời gian và nhân sự hợp lý cho từng hạng mục công việc		10	
	- Kế hoạch thiếu chi tiết cho từng hạng mục công việc		7	
3	Nhân sự chủ chốt Bằng cấp và số năm kinh nghiệm: có bằng đại học trở lên về chuyên ngành Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. Chứng chỉ về an toàn thông tin/bảo mật: Có một trong các chứng chỉ sau: OSCE (Offensive Security Certified Expert), hoặc OSCP (Offensive Security Certified Professional), hoặc OSWE (Offensive Security Web Expert), hoặc OSEP (Offensive Security Experienced Penetration Tester), hoặc CEH (Certified Ethical Hacker), hoặc CHFI (Computer Hacking Forensic Investigator) hoặc tương đương Kê khai thông tin theo Mẫu số 08, Chương III và cung cấp bản sao bằng cấp, chứng chỉ (có đóng dấu của Nhà cung cấp)	58		40,6
3.1	Trưởng nhóm	16		11,2
	- Có bằng đại học và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương		16	

3624
 CÔNG
 BẢO
 CÔNG-
 NG CỎ
 Y BAY
 NG TY
 TIEN

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	đương. hoặc có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 5 đến dưới 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. - Có Chứng chỉ về an toàn thông tin/bảo mật. - Đã đảm nhiệm chức danh chủ trì/trưởng nhóm triển khai một hoặc một số hạng mục về Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương.			
	- Có bằng đại học và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. hoặc có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 5 đến dưới 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. - Có Chứng chỉ về an toàn thông tin/bảo mật.		12,8	
	- Có bằng đại học và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. hoặc có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 5 đến dưới 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. - Đã đảm nhiệm chức danh chủ trì/trưởng nhóm triển khai một hoặc một số hạng mục về Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương.		11,2	
3.2	Chuyên gia kỹ thuật	42		29,4
3.2.1	Chuyên gia kỹ thuật 1	6		4,2
	- Có bằng đại học và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An		6	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	toàn thông tin hoặc tương đương. hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 2 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. - Đã tham gia thực hiện một hạng mục về chuyên ngành công nghệ thông tin			
	- Có bằng đại học và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 2 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương.		4,2	
3.2.2	Chuyên gia kỹ thuật 2	6		4,2
	- Có bằng đại học và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 2 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. - Đã tham gia thực hiện một hạng mục về chuyên ngành công nghệ thông tin		6	
	- Có bằng đại học và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 2 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương.		4,2	
3.2.3	Chuyên gia kỹ thuật 3	6		4,2
	- Có bằng đại học và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ		6	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	trở lên và có từ 2 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. - Đã tham gia thực hiện một hạng mục về chuyên ngành công nghệ thông tin			
	- Có bằng đại học và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 2 đến dưới 5 năm kinh nghiệm		4,2	
3.2.4	Chuyên gia kỹ thuật 4	6		4,2
	- Có bằng đại học và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 2 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. - Đã tham gia thực hiện một hạng mục về chuyên ngành công nghệ thông tin		6	
	- Có bằng đại học và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 2 đến dưới 5 năm kinh nghiệm		4,2	
3.2.5	Chuyên gia kỹ thuật 5	6		4,2
	- Có bằng đại học và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 2 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. - Đã tham gia thực hiện một hạng mục về chuyên ngành công nghệ thông tin		6	
	- Có bằng đại học và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương.		4,2	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 2 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương.			
3.2.6	Chuyên gia kỹ thuật 6	6		4,2
	- Có bằng đại học và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 2 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. - Đã tham gia thực hiện một hạng mục về chuyên ngành công nghệ thông tin		6	
	- Có bằng đại học và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 2 đến dưới 5 năm kinh nghiệm		4,2	
3.2.7	Chuyên gia kỹ thuật 7	6		4,2
	- Có bằng đại học và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 2 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. - Đã tham gia thực hiện một hạng mục về chuyên ngành công nghệ thông tin		6	
	- Có bằng đại học và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương. hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 2 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương.		4,2	
	Tổng cộng (100%)	100		70



Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Xác định giá thấp nhất:

- Xác định giá chào;
- Trừ giá trị giảm giá (nếu có);
- Xếp hạng nhà cung cấp:

HSĐX có giá chào sau giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

Trường hợp áp dụng hợp đồng trọn gói, giá chào sau giảm giá (nếu có) mà nhà cung cấp đề xuất trong đơn chào giá được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói dịch vụ theo phạm vi công việc nêu trong HSYC, không sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp có sự không nhất quán giữa giá chào ghi bằng số và giá chào ghi bằng chữ trong đơn chào giá thì lấy giá chào ghi bằng chữ, trừ trường hợp giá chào ghi bằng chữ không có nghĩa.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO GIÁ

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên mời cung cấp]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp, có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp]] cam kết thực hiện gói dịch vụ _____ [Ghi tên gói dịch vụ] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự chào giá]. Thời gian thực hiện gói dịch vụ là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu].

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là _____ ngày [Ghi số ngày], kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____ [Ghi ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX].

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà cung cấp là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDX;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự chào giá theo quy định của pháp luật;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà cung cấp là hộ kinh doanh);

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật khi tham dự gói dịch vụ này.

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm hết hạn nộp HSDX, nhà cung cấp không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà cung cấp tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà cung cấp trúng chào giá.

7. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.

8. Trường hợp trúng chào giá, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽¹⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà cung cấp phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà cung cấp cam kết trong Đơn này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự chào giá gói dịch vụ [*Ghi tên gói dịch vụ*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*Ghi tên Bên mời cung cấp*] tổ chức:

[- Ký đơn chào giá;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời cung cấp trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Bên mời cung cấp nếu trúng chào giá.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*]. ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời cung cấp cùng với đơn chào giá. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự chào giá và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.



THỎA THUẬN LIÊN DANH ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói dịch vụ: _____ [Ghi tên gói dịch vụ]

Thuộc: _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

- Căn cứ _____ ⁽²⁾;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói dịch vụ _____ [Ghi tên gói dịch vụ] ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự chào giá gói dịch vụ [Ghi tên gói dịch vụ] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói dịch vụ này là: _____ [Ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh

- Bồi thường thiệt hại cho Bên mời cung cấp theo quy định nêu trong hợp đồng

- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói dịch vụ _____ [Ghi tên gói dịch vụ] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn chào giá;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự chào giá
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói dịch vụ	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà cung cấp liên danh không được chỉ định;
 - Hủy chào giá gói dịch vụ [Ghi tên gói dịch vụ] thuộc [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của bên mời cung cấp.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói dịch vụ, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.
- (4) Nhà cung cấp phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.
- (5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI DỊCH VỤ

TT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
	Dịch vụ rà soát an ninh mạng Hệ thống AIM năm 2025: - Đánh giá an toàn kết nối tổng thể Hệ thống: 01 Hệ thống Thực hiện kiểm tra, rà soát tư vấn khắc phục điểm yếu bảo mật của mô hình kết nối mạng và thiết bị mạng, mô hình kết nối các máy chủ của hệ thống AIM - Đánh giá, kiểm thử an toàn các thiết bị mạng, liên mạng: 37 thiết bị chuyên mạch. Thực hiện thu thập các thông tin của thiết bị; tiến hành đánh giá an toàn thông tin; rò quét và kiểm thử xâm nhập các điểm yếu nếu có; tư vấn khắc phục điểm yếu - Đánh giá, kiểm thử an toàn các thiết bị tường lửa, phát hiện và chống xâm nhập (IPS/IDS): 01 thiết bị Firewall/IPS/IDS Thực hiện thu thập các thông tin của thiết bị; tiến hành đánh giá an toàn thông tin; rò quét, phân tích và kiểm thử xâm nhập các điểm yếu, lỗ hổng nếu có; tư vấn khắc phục điểm yếu - Đánh giá an toàn hệ thống máy chủ: 04 máy chủ AIXM, 02 máy chủ Giám sát, 04 máy chủ Ứng dụng, 04 máy chủ Webportal Thực hiện thu thập các thông tin của thiết bị; tiến hành đánh giá an toàn thông tin; rò quét, phân tích và kiểm thử xâm nhập các điểm yếu, lỗ hổng nếu có; tư vấn khắc phục điểm yếu. - Đánh giá an toàn ứng dụng web: 01 ứng dụng Webportal Thực hiện thu thập các thông tin của ứng dụng web; tiến hành đánh giá an toàn thông tin; rò quét, phân tích và kiểm thử xâm nhập các lỗ hổng nếu có; tư vấn khắc phục điểm yếu. Việc thực hiện rò quét, phân tích, kiểm thử xâm nhập căn cứ trên khuyến nghị OWASP Web Security Testing Guide, OWASP Top 10:2021 - Rà quét virus, mã độc tại các máy trạm, đầu cuối: 85 đầu cuối. Thực hiện rà soát mã độc trên các máy trạm, đầu cuối; làm sạch mã độc nếu có; phân tích điều tra nguồn gốc mã độc và thắt chặt an toàn thông tin trên các đầu cuối, máy trạm; báo cáo về kết quả xử lý mã độc	Gói	1

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP

A. Cơ cấu tổ chức của nhà cung cấp

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà cung cấp (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà cung cấp

Các gói dịch vụ tương tự do nhà cung cấp thực hiện trong vòng ____ *[Ghi số năm]^[1]* năm gần đây.

Nhà cung cấp phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói dịch vụ này mà nhà cung cấp đã thực hiện (với tư cách là nhà cung cấp độc lập hoặc liên danh với nhà cung cấp khác hoặc là nhà cung cấp phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà cung cấp tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà cung cấp phụ của nhà cung cấp đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà cung cấp tham dự là thành viên liên danh hoặc là nhà cung cấp phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà cung cấp cung cấp phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà cung cấp nộp HSĐX.

Thời gian	Tên công việc (mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính)	Tên gói, tên dự án/dự toán mua sắm, Bên mời cung cấp, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng (trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà cung cấp thực hiện)	Vai trò trong công việc (ghi nhà cung cấp chính, nhà cung cấp phụ, thành viên trong liên danh)	Thời gian thực hiện (ghi rõ từ ngày... đến ngày...)	Thời gian thực hiện thực tế (từ ngày... đến ngày...) Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến hợp đồng tương tự.

^[1] Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu là 3 năm, đối với nhà cung cấp thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà cung cấp).

01086
 TRUN
 HÔNG B
 HGH KH
 TÔNG
 AN LÝ B
 CÔNG
 16 BIẾ

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà cung cấp trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT
DO NHÀ CUNG CẤP ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Nhà cung cấp chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận*
- 2. Kế hoạch công tác*
- 3. Tổ chức và nhân sự*

Giải pháp và phương pháp luận [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó]

Kế hoạch thực hiện [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Nhân sự [bao gồm danh sách chuyên gia và các thông tin của chuyên gia]



LÝ LỊCH CHUYÊN GIA

Tên nhà cung cấp:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]
Tên chuyên gia tư vấn:	[điền tên đầy đủ]
Ngày sinh:	[ngày/tháng/năm]
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được] _____

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc): _____

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú: Từng cá nhân chuyên gia phải kê khai Mẫu này và gửi kèm bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

STT	Họ và Tên	Số định danh/CMTND/ căn cước công dân/Hộ chiếu	Chức danh bố trí trong gói dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1			[theo vị trí nhà cung cấp đề xuất]			
2						

Ghi chú:

Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Mục 2 Chương II.



BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

TT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (trước thuế VAT)	Thành tiền (trước thuế VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)
1	Dịch vụ rà soát an ninh mạng Hệ thống AIM năm 2025 - Đánh giá an toàn kết nối tổng thể Hệ thống: 01 Hệ thống Thực hiện kiểm tra, rà soát tư vấn khắc phục điểm yếu bảo mật của mô hình kết nối mạng và thiết bị mạng, mô hình kết nối các máy chủ của hệ thống AIM - Đánh giá, kiểm thử an toàn các thiết bị mạng, liên mạng: 37 thiết bị chuyển mạch. Thực hiện thu thập các thông tin của thiết bị; tiến hành đánh giá an toàn thông tin; rò quét và kiểm thử xâm nhập các điểm yếu nếu có; tư vấn khắc phục điểm yếu - Đánh giá, kiểm thử an toàn các thiết bị tường lửa, phát hiện và chống xâm nhập (IPS/IDS): 01 thiết bị Firewall/IPS/IDS Thực hiện thu thập các thông tin của thiết bị; tiến hành đánh giá an toàn thông tin; rò quét, phân tích và kiểm thử xâm nhập các điểm yếu, lỗ hổng nếu có; tư vấn khắc phục điểm yếu - Đánh giá an toàn hệ thống máy chủ: 04 máy chủ AIXM, 02 máy chủ Giám sát, 04 máy chủ Ứng dụng, 04 máy chủ Webportal Thực hiện thu thập các thông tin của thiết bị; tiến hành đánh giá an toàn thông tin; rò quét, phân tích và kiểm thử xâm nhập các điểm yếu, lỗ hổng nếu có; tư vấn khắc phục điểm yếu. - Đánh giá an toàn ứng dụng web: 01 ứng dụng Webportal Thực hiện thu thập các thông tin của ứng dụng web; tiến hành đánh giá an toàn thông tin; rò quét, phân tích và kiểm thử xâm nhập các lỗ hổng nếu có; tư vấn khắc phục điểm yếu. Việc thực hiện rò quét, phân tích, kiểm thử xâm nhập cần căn cứ trên khuyến nghị OWASP Web Security Testing Guide, OWASP Top 10:2021 - Rà quét virus, mã độc tại các máy trạm, đầu cuối: 85 đầu cuối. Thực hiện rà soát mã độc trên các máy trạm, đầu cuối; làm sạch mã độc nếu có; phân tích	Gói	01		

TT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (trước thuế VAT)	Thành tiền (trước thuế VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)
	điều tra nguồn gốc mã độc và thất chặt an toàn thông tin trên các đầu cuối, máy trạm; báo cáo về kết quả xử lý mã độc				
2	Tổng cộng (Trước thuế VAT)				
3	Thuế VAT				
4	TỔNG CỘNG (sau thuế VAT)				

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(2), (3), (4): Bên mời cung cấp điền

(5), (6) Nhà cung cấp điền đơn giá, thành tiền đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.

1-005
TÂM
TIN T
CHINH
IG TY
VIỆT N
ENNH
TP:

7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.



II. Phạm vi công việc

TT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Dịch vụ rà soát an ninh mạng Hệ thống AIM năm 2025 - Đánh giá an toàn kết nối tổng thể Hệ thống: 01 Hệ thống Thực hiện kiểm tra, rà soát tư vấn khắc phục điểm yếu bảo mật của mô hình kết nối mạng và thiết bị mạng, mô hình kết nối các máy chủ của hệ thống AIM - Đánh giá, kiểm thử an toàn các thiết bị mạng, liên mạng: 37 thiết bị chuyển mạch Thực hiện thu thập các thông tin của thiết bị; tiến hành đánh giá an toàn thông tin; rò quét và kiểm thử xâm nhập các điểm yếu nếu có; tư vấn khắc phục điểm yếu - Đánh giá, kiểm thử an toàn các thiết bị tường lửa, phát hiện và chống xâm nhập (IPS/IDS): 01 thiết bị Firewall/IPS/IDS Thực hiện thu thập các thông tin của thiết bị; tiến hành đánh giá an toàn thông tin; rò quét, phân tích và kiểm thử xâm nhập các điểm yếu, lỗ hổng nếu có; tư vấn khắc phục điểm yếu - Đánh giá an toàn hệ thống máy chủ: 04 máy chủ AIXM, 02 máy chủ Giám sát, 04 máy chủ Ứng dụng, 04 máy chủ Webportal Thực hiện thu thập các thông tin của thiết bị; tiến hành đánh giá an toàn thông tin; rò quét, phân tích và kiểm thử xâm nhập các điểm yếu, lỗ hổng nếu có; tư vấn khắc phục điểm yếu. - Đánh giá an toàn ứng dụng web: 01 ứng dụng Webportal; Thực hiện thu thập các thông tin của ứng dụng web; tiến hành đánh giá an toàn thông tin; rò quét, phân tích và kiểm thử xâm nhập các lỗ hổng nếu có; tư vấn khắc phục điểm yếu. Việc thực hiện rò quét, phân tích, kiểm thử xâm nhập cần căn cứ trên khuyến nghị OWASP Web Security Testing Guide, OWASP Top 10:2021 - Rà quét virus, mã độc tại các máy trạm, đầu cuối: 85 đầu cuối. Thực hiện rà soát mã độc trên các máy trạm, đầu cuối; làm sạch mã độc nếu có; phân tích điều tra nguồn gốc mã độc và thắt chặt an toàn thông tin trên các đầu cuối, máy trạm; báo cáo về kết quả xử lý mã độc	Gói	1

III. Báo cáo và thời gian thực hiện

3.1. Sản phẩm giao nộp:

- Căn cứ lập báo cáo kết quả rà soát an ninh mạng
- + Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015;
- + Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 10/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- + Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng.
- + HSYC.
- + HSDX.
- Báo cáo kết quả rà soát an ninh mạng bao gồm các nội dung chính sau:
 - + Danh mục các lỗ hổng, mức độ ảnh hưởng, và giải pháp khắc phục.
 - + Báo cáo thử nghiệm thâm nhập hệ thống (nếu có).
 - + Tài liệu hướng dẫn khắc phục (nếu các lỗ hổng cần khắc phục ngay).
- Số lượng: 01 bản bản cứng, tiếng Việt; Bản mềm: 01 (một) bộ.
- Quy cách: Báo cáo, sơ đồ minh họa (nếu có) được trình bày trên khổ giấy A4, có bìa và đóng quyển.

3.3. Thời gian thực hiện: 20 ngày (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà cung cấp

4.1. Nhà cung cấp:

Nhà cung cấp đã thực hiện hợp đồng có tính chất tương tự: rà soát an ninh mạng cho hệ thống hoặc tư vấn kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng hoặc bảo mật thông tin hoặc an toàn thông tin mạng; giám sát an toàn thông tin mạng hoặc khôi phục dữ liệu hoặc phòng ngừa, chống tấn công mạng hoặc có tính chất tương đương.

Nhà cung cấp là tổ chức có Giấy phép kinh doanh sản phẩm dịch vụ an toàn thông tin mạng còn hiệu lực theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

4.2. Nhân sự:

a) Trưởng nhóm:

- Nội dung công việc: Chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện đảm bảo tính khả thi, chất lượng của báo cáo rà soát an ninh mạng theo yêu cầu. Chủ trì thực hiện đánh giá an toàn kiến trúc tổng thể hệ thống AIM, đánh giá an toàn vật lý của hệ thống AIM. Chủ trì lập báo cáo kết quả rà soát an ninh mạng.

- Số lượng: 01 chuyên gia

- Trình độ chuyên môn, kinh nghiệm:

+ Có bằng đại học, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương;

hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương và có từ 5 đến dưới 8 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương;

hoặc chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh chủ trì/trưởng nhóm triển khai một hoặc một số hạng mục về Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương.

+ Chứng chỉ về an toàn thông tin/bảo mật: Có một trong các chứng chỉ sau: OSCE (Offensive Security Certified Expert), hoặc OSCP (Offensive Security Certified Professional), hoặc OSWE (Offensive Security Web Expert), hoặc OSEP (Offensive Security Experienced Penetration Tester), hoặc CEH (Certified Ethical Hacker), hoặc CHFI (Computer Hacking Forensic Investigator) hoặc tương đương.

b) Chuyên gia kỹ thuật:

- Nội dung công việc:

+ Tham gia đánh giá an toàn kết nối tổng thể Hệ thống: Thực hiện kiểm tra, rà soát tư vấn khắc phục điểm yếu bảo mật của mô hình kết nối mạng và thiết bị mạng, mô hình kết nối các máy chủ của hệ thống AIM (01 Hệ thống)

+ Đánh giá, kiểm thử an toàn các thiết bị mạng, liên mạng: Thực hiện thu thập các thông tin của thiết bị; tiến hành đánh giá an toàn thông tin; rò quét và kiểm thử xâm nhập các điểm yếu nếu có; tư vấn khắc phục điểm yếu (Đánh giá, kiểm thử an toàn các thiết bị mạng, liên mạng (37 thiết bị chuyên mạch).

+ Đánh giá, kiểm thử an toàn các thiết bị tường lửa, phát hiện và chống xâm nhập (IPS/IDS): Thực hiện thu thập các thông tin của thiết bị; tiến hành đánh giá an toàn thông tin; rò quét, phân tích và kiểm thử xâm nhập các điểm yếu, lỗ hổng nếu có; tư vấn khắc phục điểm yếu (01 thiết bị Firewall/IPS/IDS).

+ Đánh giá an toàn hệ thống máy chủ: Thực hiện thu thập các thông tin của thiết bị; tiến hành đánh giá an toàn thông tin; rò quét, phân tích và kiểm thử xâm nhập các điểm yếu, lỗ hổng nếu có; tư vấn khắc phục điểm yếu (04 máy chủ AIXM, 02 máy chủ Giám sát, 04 máy chủ Ứng dụng, 04 máy chủ Webportal).

+ Đánh giá an toàn ứng dụng web: Thực hiện thu thập các thông tin của ứng dụng web; tiến hành đánh giá an toàn thông tin; rò quét, phân tích và kiểm thử xâm nhập các lỗ hổng nếu có; tư vấn khắc phục điểm yếu. Việc thực hiện rò quét, phân tích, kiểm thử xâm nhập cần căn cứ trên khuyến nghị OWASP Web Security Testing Guide, OWASP Top 10:2021 (01 ứng dụng Webportal).

+ Rà quét virus, mã độc tại các máy trạm, đầu cuối: Thực hiện rà soát mã độc trên các máy trạm, đầu cuối; làm sạch mã độc nếu có; phân tích điều tra nguồn gốc mã độc và thắt chặt an toàn thông tin trên các đầu cuối, máy trạm; báo cáo về kết quả xử lý mã độc (85 đầu cuối).

- Số lượng: 07 chuyên gia

- Trình độ chuyên môn, kinh nghiệm:

+ Có bằng đại học, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương và có từ 5

đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương;

hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương và có từ 2 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương;

+ hoặc đã tham gia triển khai một hạng mục về chuyên ngành Công nghệ thông tin/Điện tử viễn thông/An toàn thông tin hoặc tương đương.

c) Yêu cầu khác: Trường hợp khi cần thiết, việc thay đổi nhiệm vụ, thay đổi hoặc bổ sung nhân sự chỉ được thực hiện khi Nhà cung cấp thông báo trước lý do và được sự chấp thuận của Bên mời cung cấp.

V. Trách nhiệm của Bên mời cung cấp

- Hỗ trợ tối đa trong điều kiện cho phép các yêu cầu của Nhà cung cấp khi làm việc tại hiện trường.

- Cung cấp các thông tin thuộc hệ thống AIM khi Nhà cung cấp yêu cầu.

- Bố trí nhân sự phối hợp, giám sát, nghiệm thu công việc và hỗ trợ thực hiện các thủ tục khác với Nhà cung cấp.

10108
TRU
HÔNG
NG KH
TỔNG
QUẢN LÝ
CƠN
VNG B

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “Bên mời cung cấp” là tổ chức được quy định tại ĐKCT; 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Bên mời cung cấp và nhà cung cấp, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Nhà cung cấp” là nhà cung cấp trúng chào giá (có thể là nhà cung cấp độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT; 1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa Bên mời cung cấp và nhà cung cấp. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày; 1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà cung cấp thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu; 1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà cung cấp hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.10. “Địa điểm thực hiện” là địa điểm được quy định tại ĐKCT; 1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại ĐKCT; 1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng; d) ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp; e) Công văn chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng; g) HSĐX và các văn bản làm rõ HSĐX của Nhà cung cấp (nếu có); h) HSYC và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSYC (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT. 2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng và được các bên ký để tạo thành hợp đồng bao gồm:

	a) Văn bản hợp đồng; b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp; c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có); d) Tài liệu khác (nếu có).
3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng	3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam. 3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà cung cấp trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Bên mời cung cấp, trừ khi có quy định khác tại ĐKCT. Nhà cung cấp có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên mời cung cấp. 4.2. Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. 4.3. Bên mời cung cấp không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà cung cấp cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà cung cấp không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Bên mời cung cấp cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. 4.4. Nghĩa vụ của Bên mời cung cấp và nhà cung cấp quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà Bên mời cung cấp hoặc Nhà cung cấp cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Bên mời cung cấp hoặc nhà cung cấp; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. 4.5. Các quy định tại Mục 4 ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn. 4.6. Các quy định tại Mục 4 ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
5. Bảo quyền	5.1. Trừ trường hợp ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan, các tài liệu khác do Nhà cung cấp tổng hợp hoặc thực hiện cho Bên mời cung cấp trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của Bên mời cung cấp. 5.2. Nhà cung cấp phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà cung cấp cung

	cấp cho Bên mời cung cấp không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào. 5.3. Nhà cung cấp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà cung cấp cung cấp cho Bên mời cung cấp.
7. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: được quy định tại ĐKCT .
8. Giá hợp đồng	Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói dịch vụ trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của HSYC.
9. Thuế, phí	Nhà cung cấp có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
10. Tạm ứng và thanh toán	Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
12. Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại ĐKCT .
13. Sửa đổi hợp đồng	13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng. 13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây: a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà cung cấp trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi, điều chỉnh phạm vi công việc, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng; c) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của Bên mời cung cấp ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà cung cấp; d) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Bên mời cung cấp, nhà cung cấp; 13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.
14. Nhân sự	14.1. Nhà cung cấp phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong HSYC trừ trường hợp Bên mời cung cấp có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 thì nhà cung cấp phải báo cáo và được sự chấp thuận của

	Bên mời cung cấp. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó. 14.2. Bên mời cung cấp có quyền yêu cầu nhà cung cấp thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong HSYC. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Bên mời cung cấp, trong thời gian quy định tại ĐKCT, nhà cung cấp phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được Bên mời cung cấp chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà cung cấp chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.
15. Quyền và nghĩa vụ của nhà cung cấp	15.1. Quyền của nhà cung cấp: a) Yêu cầu Bên mời cung cấp cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn; b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng; c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); d) Được quyền yêu cầu Bên mời cung cấp thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này. 15.2. Nghĩa vụ của nhà cung cấp: a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình; b) Nộp cho Bên mời cung cấp các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà cung cấp thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện; c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà cung cấp có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên mời cung cấp tổ chức (nếu có); d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng. Phải cam kết khi có yêu cầu của Bên mời cung cấp, nhà cung cấp sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên mời cung cấp (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn; đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Bên mời cung cấp; e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng; g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.
17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại ĐKCT .
18. Tạm dừng hợp đồng	18.1. Bên mời cung cấp có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà cung cấp bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà cung cấp về

	việc tạm dừng nếu nhà cung cấp không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà cung cấp có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà cung cấp nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà cung cấp phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Bên mời cung cấp do tạm ngừng công việc 18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà cung cấp a) Nếu Bên mời cung cấp không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Bên mời cung cấp, Nhà cung cấp có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc). b) Sau khi Bên mời cung cấp thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà cung cấp phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được. c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà cung cấp phải thông báo cho Bên mời cung cấp để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên mời cung cấp xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu. d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà cung cấp phải thông báo cho Bên mời cung cấp biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.
19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà cung cấp	19.1. Bên mời cung cấp có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà cung cấp khi nhà cung cấp không thực hiện nội dung công việc như quy định tại ĐKCT. 19.2. Bên mời cung cấp có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà cung cấp khi phát hiện nhà cung cấp lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên mời cung cấp được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật. 19.3. Trong trường hợp Bên mời cung cấp chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 ĐKC, Bên mời cung cấp có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà cung cấp sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên mời cung cấp những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà cung cấp vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.
20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Bên mời cung cấp	Nhà cung cấp có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên mời cung cấp khi Bên mời cung cấp không thực hiện nội dung công việc như quy định tại ĐKCT .
21. Trường hợp bất khả kháng	21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

1001
T
TH
ANG K
T
QU
C
2016

	21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. 21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Nhà cung cấp bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng. 21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra. 21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Bên mời cung cấp, Nhà cung cấp có nghĩa vụ: (a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà cung cấp sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Bên mời cung cấp yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà cung cấp còn được hoàn trả chi phí này; hoặc (b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà cung cấp sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này. 21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có) a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia. b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên mời cung cấp sẽ phải thanh toán cho Nhà cung cấp: - Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.
22. Giải quyết tranh chấp	22.1. Nhà cung cấp và Bên mời cung cấp có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải. 22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ

	chế được xác định trong ĐKCT .
23. Thông báo	23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong ĐKCT. 23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐKC 1.1	Bên mời cung cấp: Trung tâm Thông báo tin tức hàng không - Chi nhánh Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam - Công ty TNHH
ĐKC 1.3	Nhà cung cấp: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà cung cấp]
ĐKC 1.10	Địa điểm thực hiện: Trung tâm Thông báo tin tức hàng không - Chi nhánh Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam - Công ty TNHH Số 5/200 Nguyễn Sơn, Bồ Đề, Hà Nội
ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: _____ [Ghi các tài liệu khác, nếu có]
ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Không
ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: <i>không áp dụng</i>
ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói
ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà cung cấp phải nộp. Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.
ĐKC 10	10.1. Tạm ứng: Không áp dụng 10.2. Thanh toán Phương thức thanh toán: - Hình thức thanh toán: chuyển khoản - Đồng tiền thanh toán: VND. - Số lần thanh toán: 01 lần - Thời hạn thanh toán: Thanh toán 100% giá hợp đồng (đã bao gồm khoản phạt và bồi thường thiệt hại (nếu có) sau khi hai bên ký biên bản nghiệm thu dịch vụ và Bên A nhận được Hồ sơ thanh toán gồm: - Công văn đề nghị thanh toán của Bên B (bản gốc); - Biên bản nghiệm thu và bàn giao (bản gốc); - Biên bản phạt vi phạm, bồi thường hợp đồng (nếu có) (bản gốc); - Hóa đơn tài chính hợp pháp do bên B cung cấp. - Biên bản thanh lý hợp đồng (bản gốc);
ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: <i>Không áp dụng</i>
ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
ĐKC 14.2	Thời gian nhà cung cấp thực hiện việc thay thế nhân sự: 02 ngày [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự]

C.T.T
 ỨC
 ANH
 AM
 HÀ NỘI

	<i>của Bên mời cung cấp].</i>
ĐKC 17	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng. a) Nhà cung cấp bị phạt theo mức: 0,2% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng. Tổng số tiền phạt không vượt quá: 12% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm. Bên mời cung cấp có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà cung cấp. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Trong trường hợp sản phẩm của hợp đồng có sai sót gây thiệt hại cho Bên mời cung cấp khi được chứng minh một cách khách quan bởi các cơ quan chức năng có thẩm quyền của Nhà nước hoặc một đơn vị thứ ba được Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp thống nhất chỉ định thì Nhà cung cấp phải chịu bồi hoàn toàn bộ thiệt hại.
ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà cung cấp: Bên mời cung cấp có thể chấm dứt hợp đồng, sau 03 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà cung cấp. Bên mời cung cấp sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi: a) Nhà cung cấp không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà cung cấp không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 03 ngày làm việc mà Bên mời cung cấp có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời cung cấp về sai sót đó. b) Nhà cung cấp không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo hợp đồng. c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên mời cung cấp. d) Nhà cung cấp bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này. đ) Nhà cung cấp cố ý trình Bên mời cung cấp các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên mời cung cấp. e) Trường hợp bất khả kháng quy định.
ĐKC 20	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Bên mời cung cấp trong các trường hợp sau: a) Sau 03 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Bên mời cung cấp. b) Bên mời cung cấp không thanh toán cho Nhà cung cấp theo hợp đồng. c) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên mời cung cấp không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 05 ngày.
ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.
ĐKC 23.1	Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: - Địa chỉ liên lạc của Bên mời cung cấp: Điện thoại: _____ Fax: _____

	E-mail: _____ - Địa chỉ liên lạc của Nhà cung cấp _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____
--	---



CHƯƠNG VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 12

HỢP ĐỒNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số:

Gói cung cấp dịch vụ: Dịch vụ rà soát an ninh mạng Hệ thống AIM năm 2025

- Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 24/11/2015;

- Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTHK ngày của Giám đốc Trung tâm Thông báo tin tức hàng không về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói “Dịch vụ rà soát an ninh mạng Hệ thống AIM năm 2025” và Thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng số /TB-TTHK ngày .../.../2025;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm 2025;

- Các căn cứ khác (nếu có).

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mời cung cấp (sau đây gọi là Bên A)

Tên Bên mời cung cấp: **Trung tâm Thông báo tin tức hàng không - Chi nhánh Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam - Công ty TNHH**

Địa chỉ: Số 5 ngõ 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 38728778 Fax: 024.38725687

Tài khoản: 105 235 5818 9011 Tại Ngân hàng: Techcombank Chi nhánh Chương Dương

Mã số thuế: 0100108624-009

Đại diện là ông:

Chức vụ:

Nhà cung cấp (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà cung cấp: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____



Chức vụ: _____

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu” kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà cung cấp, trách nhiệm báo cáo của nhà cung cấp;
3. ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
7. Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng;
8. HSĐX và các văn bản làm rõ HSĐX của Nhà cung cấp (nếu có);
9. HSYC và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSYC (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

1. Cam kết thanh toán cho Nhà cung cấp theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại ĐKC và ĐKCT của hợp đồng.

2. Chỉ định ông/bà _____ [Ghi rõ họ tên] là cán bộ phụ trách để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục để thực hiện dịch vụ;
3. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng.
4. Bên B phải có trách nhiệm cùng Bên A giải thích các nội dung trong hợp đồng đối với các cơ quan có thẩm quyền, nếu được yêu cầu.

Bên B phải hoàn trả bên mời cung cấp toàn bộ giá trị xuất toán khi các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xuất toán được xác định do lỗi của Bên B hoặc do Bên A thanh toán cho Bên B không đúng quy định của Nhà nước (kể cả khi hợp đồng đã được thanh lý).

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**1. Hợp đồng trọn gói ⁽³⁾**a) Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*Giá hợp đồng: _____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền]*_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền]*Tổng số tiền thanh toán _____ *[Ghi giá trị và đồng tiền]**[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục].***2. Phương thức thanh toán :****Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ *[Bên mời cung cấp kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 ĐKC, HSYC và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].***Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ *[Bên mời cung cấp kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ CUNG CẤP***[xác nhận, chữ ký số]***ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI CUNG CẤP***[xác nhận, chữ ký số]***PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

THƯ CHẤP THUẬN HSĐX VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: “Nhà cung cấp”

Về việc: Thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ (sau đây gọi tắt là “Bên mời cung cấp”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói dịch vụ: ____, Bên mời cung cấp thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng cho Nhà cung cấp để thực hiện gói dịch vụ ____ với giá hợp đồng là ____ với thời gian thực hiện gói dịch vụ là ____.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Bên mời cung cấp theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà cung cấp hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Bên mời cung cấp sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà cung cấp trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà cung cấp không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói dịch vụ.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Bên mời cung cấp điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ qua Bên mời cung cấp ...) để Nhà cung cấp đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.